

The background image is a scenic landscape featuring a calm lake. In the foreground, the water is exceptionally clear, revealing a large number of orange and white fish swimming over a bed of yellowish-green rocks. A small wooden boat with a person wearing a traditional conical hat is positioned in the middle ground. The far bank is lined with dense green trees and towering, rugged limestone cliffs. In the distance, more jagged mountain peaks are visible against a clear sky.

# Bản tin pháp luật

Tháng 2-2021

## I. HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

- Hỏi đáp.
- Các công văn liên quan đến chính sách thuế.

## II. KIẾN THỨC PHÁP LUẬT

- Hàng loạt điểm mới về Lao động - Tiền lương từ ngày 01/02/2021.
- Tổng cục Thuế giới thiệu nhiều điểm mới của Nghị định 132/2020.
- Hóa đơn đầu vào chưa thanh toán có được khấu trừ thuế hay không?
- Tổng cục Thuế hướng dẫn quyết toán thuế thu nhập cá nhân kỳ tính thuế năm 2020

## III. VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

- Nghị định số: 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.
- Nghị định số: 150/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.
- Thông tư số: 111/2020/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính.
- Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.

## **HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ**

4 - 16

Hỏi đáp

17 - 24

Các công văn liên quan đến chính sách thuế

Danh thắng Chùa Hương



## HỎI ĐÁP

**1. Hỏi:**

Kính gửi Bộ Tài chính. Tôi có một câu hỏi xin được giải đáp giúp. Theo Nghị định 11/2020/NĐ-CP và Thông tư 62/2020/TT-BTC quy định khoản chi từ 50 triệu trở lên thì mới phải gửi hồ sơ chứng từ đến Kho bạc để kiểm soát. Vậy khi tôi thanh toán tiền tập huấn (gồm tiền công tác phí, đi đường, VPP, tài liệu ...), thanh toán tiền đi công tác (công tác phí, tiền ngủ, tàu xe ...) dưới 50 trđ thì có phải mang hồ sơ chứng từ đến KBNN để kiểm soát, thanh toán không? Thanh toán tạm ứng (ứng tiền mặt) những khoản chi dưới 50 trđ có phải mang hồ sơ, chứng từ đến KBNN để kiểm soát, thanh toán không? Xin hướng dẫn cách ghi Bảng kê chứng từ thanh toán cột định mức, đơn giá đối với những khoản chi nào? Xin cảm ơn!

**Trả lời:**

Căn cứ quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 7 Nghị định 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ:

Trường hợp độc giả đề nghị thanh toán tiền công tác phí dưới 50 triệu đồng và thanh toán tạm ứng (ứng tiền mặt) những khoản chi dưới 50 triệu đồng thì đơn vị phải gửi đến KBNN các hồ sơ, chứng từ theo quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 7 Nghị định 11/2020/NĐ-CP nêu trên. Đơn vị không phải gửi các hóa đơn (xăng xe, phòng nghỉ...liên quan đến đi công tác) đến KBNN.

- Nghị định 11/2020/NĐ-CP và Thông tư 62/2020/TT-BTC không quy định khoản chi có giá trị bao nhiêu thì phải kê cột số lượng, định mức. Vì vậy, trường hợp có quy định định mức (mức chi) cụ thể tại các văn bản quy phạm pháp luật, quy chế chi tiêu nội bộ, đơn vị sử dụng ngân sách kê khai số lượng, định mức (mức chi) theo đúng quy định đối với tất cả các khoản chi áp dụng bảng kê nội dung thanh toán/tạm ứng.

## HỎI ĐÁP

**2. Hỏi:**

Kính gửi Bộ Tài chính:

1. Tại Tiết 2.8, Khoản 2, mục I Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27/11/2008 của Bộ tài chính quy định: "Đối với chi đầu tư, chi chương trình mục tiêu và chi sự nghiệp kinh tế có tính chất đầu tư (sau đây gọi chung là chi đầu tư)..." Tuy nhiên, trong thông tư 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ tài chính Hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước lại không còn khái niệm "chi sự nghiệp kinh tế có tính chất đầu tư" nữa. Vậy, đối với các khoản chi từ nguồn kinh phí thường xuyên cho công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất có giá trị hợp đồng ở mức bao nhiêu thì mới thực hiện cam kết chi?

2. Tại điểm c, khoản 4, Điều 7 của Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định "...Trường hợp chi thanh toán lương và phụ cấp theo lương, tiền công lao động thường xuyên theo Hợp đồng, thu nhập tăng thêm, tiền thưởng, tiền phụ cấp và trợ cấp khác, tiền khoán, tiền học bổng...". Vậy các cụm từ "phụ cấp theo lương" và "tiền phụ cấp và trợ cấp khác" ở đây được hiểu theo quy định nào? tiền làm thêm giờ có phải là phụ cấp theo lương hay không? Xin cảm ơn!

**Trả lời:**

Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 7 Điều 6 Chương II Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính:

Căn cứ quy định tại Khoản 4 và Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 40/2016/TT-BTC ngày 01/3/2016 của Bộ Tài chính.

Đối với các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên được thực hiện kiểm soát chi, kiểm soát cam kết chi như chi đầu tư, theo đó: Hợp đồng có giá trị từ 1.000 triệu đồng trở lên phải gửi cam kết chi.

Đối với các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên được thực hiện kiểm soát chi, kiểm soát cam kết chi như chi thường xuyên, theo đó: Hợp đồng mua bán hàng hoá, dịch vụ có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên phải cam kết chi.

*(còn tiếp)*

## HỎI ĐÁP

**2. Hỏi:**

Kính gửi Bộ Tài chính:

1. Tại Tiết 2.8, Khoản 2, mục I Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27/11/2008 của Bộ tài chính quy định: "Đối với chi đầu tư, chi chương trình mục tiêu và chi sự nghiệp kinh tế có tính chất đầu tư (sau đây gọi chung là chi đầu tư)..." Tuy nhiên, trong thông tư 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ tài chính Hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước lại không còn khái niệm "chi sự nghiệp kinh tế có tính chất đầu tư" nữa. Vậy, đối với các khoản chi từ nguồn kinh phí thường xuyên cho công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất có giá trị hợp đồng ở mức bao nhiêu thì mới thực hiện cam kết chi?

2. Tại điểm c, khoản 4, Điều 7 của Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định "...Trường hợp chi thanh toán lương và phụ cấp theo lương, tiền công lao động thường xuyên theo Hợp đồng, thu nhập tăng thêm, tiền thưởng, tiền phụ cấp và trợ cấp khác, tiền khoán, tiền học bổng...". Vậy các cụm từ "phụ cấp theo lương" và "tiền phụ cấp và trợ cấp khác" ở đây được hiểu theo quy định nào? tiền làm thêm giờ có phải là phụ cấp theo lương hay không? Xin cảm ơn!

**Trả lời: (tiếp)**

- Căn cứ quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 7 Nghị định 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực KBNN; Mẫu Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng (mẫu số 09 ban hành kèm theo phụ lục II Nghị định 11/2020/NĐ-CP; Điểm a Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 62/2020/TT-BTC thì:

Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng áp dụng đối với các khoản chi sau: Chi lương và phụ cấp theo lương; tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng; tiền thu nhập tăng thêm; tiền thưởng; tiền phụ cấp và trợ cấp khác; tiền khoán, tiền học bổng.

Trong đó: Phụ cấp theo lương (cột 5) là các khoản phụ cấp lương theo mục 6100- mục lục ngân sách hiện hành, có bao gồm mục 6105 (tiền làm đêm; làm thêm giờ). Tiền phụ cấp và trợ cấp khác (cột 9) là các khoản theo định mức cụ thể được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật hoặc quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị (không bao gồm phụ cấp theo lương như đã nêu ở trên).

## HỎI ĐÁP

**3. Hỏi:**

Kính hỏi Quý Bộ? Theo Bộ luật Lao động 2019, kể từ năm 2021, tuổi nghỉ hưu của NLĐ trong điều kiện bình thường là đủ 60 tuổi 3 tháng với lao động nam và đủ 55 tuổi 4 tháng với nữ; sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 3 tháng với nam và 4 tháng với nữ.

Theo tôi hiểu, sẽ có 2 trường hợp: Trường hợp thứ nhất, nếu tính đến ngày 7/12/2020 tôi đủ tuổi nghỉ hưu và đến ngày 1/1/2021 mới ban hành quyết định hưu trí. Trường hợp này sẽ áp dụng theo quy định của Bộ luật Lao động 2012 hay Bộ luật Lao động 2019, bà có phải làm thêm 4 tháng mới được về hưu không? Trường hợp thứ hai: Tôi đã đủ tuổi hưu nhưng phải tham gia BHXH đến hết tháng 12/2020 mới đủ 20 năm, đủ điều kiện về hưu. Tức là sang ngày 1/1/2021 cơ quan sẽ ban hành quyết định hưu trí. Trường hợp này tôi có được nghỉ hưu luôn theo Bộ luật Lao động 2012 không?

**Trả lời:**

Điều 3 Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định như sau:

“1. Thời điểm nghỉ hưu là kết thúc ngày cuối cùng của tháng đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định. Đối với trường hợp người lao động tiếp tục làm việc sau khi đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định thì thời điểm nghỉ hưu là thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động.

2. Thời điểm hưởng chế độ hưu trí là bắt đầu ngày đầu tiên của tháng liền kề sau thời điểm nghỉ hưu.

3. Trường hợp hồ sơ của người lao động không xác định được ngày, tháng sinh mà chỉ có năm sinh thì lấy ngày 01 tháng 01 của năm sinh để làm căn cứ xác định thời điểm nghỉ hưu và thời điểm hưởng chế độ hưu trí”.

Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định: “Đối với lao động nam sinh tháng 12/1960 và lao động nữ sinh tháng 12/1965 làm việc trong điều kiện lao động bình thường thì thời điểm nghỉ hưu là kết thúc ngày 31/12/2020, thời điểm hưởng lương hưu là bắt đầu ngày 01/01/2021”.

Nếu đến hết tháng 12/2020, NLĐ có đủ 20 năm đóng BHXH trở lên và sinh tháng 12/1960 đối với lao động nam, sinh tháng 12/1965 đối với lao động nữ thì thời điểm nghỉ hưu là kết thúc ngày 31/12/2020, thời điểm hưởng lương hưu là ngày 1/1/2021

## HỎI ĐÁP

**4. Hỏi:**

Tôi xin hỏi? Công ty của tôi ngoài những ngày nghỉ do Nhà nước quy định còn cho người lao động nghỉ thêm 1 ngày vào Ngày truyền thống của ngành và ngày này được hưởng lương. Công ty tôi không đăng ký ngày nghỉ riêng này với cơ quan BHXH. Vậy nếu người lao động nghỉ chế độ ốm đau vào ngày này thì có được giải quyết không?

**Trả lời:**

BHXH TP Đà Nẵng trả lời vấn đề này như sau:

Khoản 1 Điều 3 Luật BHXH số 58/2014/QH13 quy định: “BHXH là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ BHXH”.

Điều 25 Luật BHXH số 58/2014/QH13 quy định điều kiện hưởng chế độ ốm đau như sau:

“1. Bị ốm đau, tai nạn mà không phải là tai nạn lao động phải nghỉ việc và có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế.

Trường hợp ốm đau, tai nạn phải nghỉ việc do tự hủy hoại sức khỏe, do say rượu hoặc sử dụng chất ma túy, tiền chất ma túy theo danh mục do Chính phủ quy định thì không được hưởng chế độ ốm đau.

2. Phải nghỉ việc để chăm sóc con dưới 07 tuổi bị ốm đau và có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền”.

Theo như ông trình bày, vào ngày truyền thống của ngành, Công ty ông cho người lao động nghỉ thêm một ngày và ngày này được hưởng nguyên lương. Căn cứ quy định nêu trên, nếu người lao động bị ốm đau vào ngày này thì không được giải quyết hưởng chế độ ốm đau.

## HỎI ĐÁP

**5. Hỏi:**

Kính gửi Quý Bộ! Đề nghị cơ quan chức năng giải đáp thêm về cách tính lương, cụ thể như sau:

Trong những tháng có 30 ngày thì số ngày công đủ trong tháng là 26 ngày; trong tháng có 31 ngày thì số ngày công đủ trong tháng là 27 ngày; tháng có 28 ngày thì số ngày công đủ trong tháng là 24 ngày.

Theo tôi hiểu thì khi ký kết HĐLĐ mà giao kết lương tháng, nghĩa là khi người lao động làm đủ số ngày công trong tháng đó sẽ được hưởng đủ lương tháng.

Một số đồng nghiệp của tôi thì cho rằng phải tính theo ngày công thực tế dù đã ký kết lương tháng.

Tôi xin hỏi, cách hiểu và áp dụng như thế nào là đúng?

**Trả lời:**

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trả lời vấn đề này như sau:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/1/2015 của Chính phủ và Điểm a Khoản 4 Điều 14 Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/11/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thì tiền lương theo thời gian được trả cho người lao động căn cứ vào thời gian làm việc thực tế theo tháng, tuần, ngày, giờ.

Tiền lương tháng được trả cho một tháng làm việc xác định trên cơ sở hợp đồng lao động. Tiền lương ngày được trả cho một ngày làm việc bình thường trong tháng theo quy định của pháp luật mà doanh nghiệp lựa chọn, nhưng tối đa không quá 26 ngày.

Căn cứ quy định trên và đối chiếu với nội dung câu hỏi của độc giả thì công ty đang áp dụng hình thức trả lương theo tháng nên tiền lương của người lao động được trả 1 tháng làm việc xác định trên cơ sở hợp đồng lao động, không phụ thuộc vào ngày làm việc bình thường trong tháng theo quy định của doanh nghiệp (nếu người lao động làm đủ thời gian trong tháng theo thỏa thuận tại hợp đồng lao động thì công ty phải trả đủ tiền lương tháng ghi trong hợp đồng lao động).

Trường hợp trong tháng người lao động có ngày nghỉ không hưởng lương thì công ty lấy tiền lương tháng trừ đi tiền lương những ngày không hưởng lương của người lao động. Tiền lương của 1 ngày nghỉ không hưởng lương được xác định trên cơ sở tiền lương tháng chia cho số ngày làm việc bình thường trong tháng theo Khoản 1 nêu trên.

## HỎI ĐÁP

**6. Hỏi:**

Kính hỏi Quý Bộ? Trong quá trình tham dự thầu, chủ đầu tư có quy định về hợp đồng tương tự như sau: "Nhà thầu có tối thiểu 2 hợp đồng được ký kết thông qua tổ chức đấu thầu rộng rãi, công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia có tính chất tương tự với gói thầu đang xét". Tôi xin hỏi, yêu cầu như trên có phù hợp với Luật Đấu thầu không? Trường hợp trên có hạn chế các hợp đồng tương tự thông qua chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh thông thường, chào hàng cạnh tranh rút gọn, mua sắm trực tiếp, thầu phụ hay không?

**Trả lời:**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trả lời vấn đề này như sau:

Theo hướng dẫn tại mẫu số 03 Mẫu E-HSMT hàng hóa một giai đoạn một túi hồ sơ ban hành kèm Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT ngày 15/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nhà thầu cần kê khai các hợp đồng đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong vòng một số năm (tính đến thời điểm đóng thầu).

Theo hướng dẫn tại ghi chú số 09 Mẫu số 03 nêu trên, hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự là hợp đồng trong đó hàng hóa được cung cấp tương tự với hàng hóa của gói thầu đang xét và đã hoàn thành, bao gồm:

- Tương tự về chủng loại, tính chất: Có cùng chủng loại, tương tự về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng với hàng hóa của gói thầu đang xét;
- Tương tự về quy mô: Có giá trị hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 70% giá trị của gói thầu đang xét.

Trường hợp nhà thầu xuất trình được hợp đồng tương tự với gói thầu đang xét về quy mô, chủng loại, tính chất theo yêu cầu của E-HSMT mà nhà thầu đã thực hiện với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ thì được coi là đáp ứng yêu cầu về hợp đồng tương tự mà không bắt buộc hợp đồng trước được ký kết thông qua đấu thầu rộng rãi.

## HỎI ĐÁP

## 7. Hỏi:

Kính hỏi Quý Bộ? Ban quản trị nhà chung cư nơi tôi ở có dùng nguồn kinh phí bảo trì để thay 1 số đèn sân vườn. Do không tìm được chủng loại đèn đang sử dụng nên chuyển sang mẫu mã khác. Đơn vị quản lý vận hành đã làm tờ trình phê duyệt và ban quản trị đồng ý. Trong quá trình triển khai 1 số cư dân đã có ý kiến phản đối do mẫu mã đèn không đẹp, và cho rằng ban quản trị đã làm sai khi không lấy ý kiến cư dân. Theo quy chế hội nghị nhà chung cư thì ban quản trị được quyền phê duyệt các hạng mục bảo trì dưới 50 triệu đồng. Ban quản trị cũng đã khảo sát đa số cư dân, tỷ lệ số cư dân đồng ý sử dụng mẫu mã đèn mới là 63%. Tôi xin hỏi, trong quyền hạn của mình, ban quản trị thực hiện như trên có đúng quy định không?

## Trả lời:

Tại Điều 34 Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15/2/2016 của Bộ Xây dựng đã quy định: “Điều 34. Các hạng mục của nhà chung cư được sử dụng kinh phí bảo trì phần sở hữu chung để bảo trì.

1. Bảo trì các hạng mục và phần diện tích thuộc sở hữu chung quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 2 Điều 100 của Luật Nhà ở.
2. Bảo trì hệ thống các thiết bị thuộc sở hữu chung của nhà chung cư, bao gồm thang máy, máy phát điện, máy bơm nước, hệ thống thông gió, hệ thống cấp điện chiếu sáng, điện sinh hoạt, các thiết bị điện dùng chung, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống cấp ga, lò sưởi trung tâm, phát thanh truyền hình, thông tin liên lạc, phòng cháy, chữa cháy, cột thu lôi và các thiết bị khác dùng chung cho nhà chung cư.
3. Bảo trì hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài kết nối với nhà chung cư; các công trình công cộng quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 100 của Luật Nhà ở.
4. Xử lý nước thải úng ngập, hút bể phốt định kỳ; cấy vi sinh cho hệ thống nước thải của nhà chung cư.
5. Các hạng mục khác của nhà chung cư thuộc quyền sở hữu chung của các chủ sở hữu nhà chung cư theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán, thuê mua căn hộ hoặc theo quy định của pháp luật về nhà ở”.

Do vậy, đề nghị ông đối chiếu trường hợp cụ thể của mình với quy định của pháp luật nêu trên để thực hiện.

## HỎI ĐÁP

**8. Hỏi:**

Cho tôi hỏi? Sau khi trúng thầu qua mạng, chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu nộp bản giấy HSDT trong đó có bằng cấp, hợp đồng đã thực hiện mang tính tương tự bản công chứng. Chủ đầu tư yêu cầu ngày công chứng phải trước ngày đóng thầu của E-HSMT. Vậy, có quy định nào bắt buộc các văn bản công chứng bổ sung này phải công chứng trước ngày đóng thầu của HSMT không?

**Trả lời:**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trả lời vấn đề này như sau:

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 15 Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT ngày 15/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về lựa chọn nhà thầu qua Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia, đối với các nội dung về năng lực và kinh nghiệm, việc đánh giá E-HSDT được thực hiện trên cơ sở các thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT mà không yêu cầu nhà thầu phải đính kèm file tài liệu chứng minh.

Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận quy định tại Khoản 4 Điều 89 Luật Đấu thầu và sẽ bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 3 năm đến 5 năm theo quy định tại Khoản 1 Điều 122 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng phải nộp tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm, năng lực kỹ thuật cho bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT.

Theo đó, việc đánh giá E-HSDT được thực hiện theo quy định nêu trên. Pháp luật về đấu thầu không có quy định bắt buộc các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm (bằng cấp, hợp đồng tương tự) phải được công chứng trước thời điểm đóng thầu.

Ngoài ra, khi bên mời thầu nghi ngờ về tính xác thực của thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT thì có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh.

## HỎI ĐÁP

**9. Hỏi:**

Theo tôi tham khảo phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 25/2020/NĐ-CP tách rõ 2 loại: Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) và dự án đầu tư có sử dụng đất để xây dựng nhà ở thương mại, công trình thương mại...cho mục đích kinh doanh.

Tuy nhiên, quy định về nội dung hồ sơ mời thầu tại NĐ số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/2/2020 của Chính phủ chỉ hướng dẫn việc xác định giá sàn nộp ngân sách Nhà nước đối với các dự án đầu tư có sử dụng đất, mà không có quy định đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

Vậy khi lập hồ sơ mời thầu đối với các dự án đầu tư theo hình thức xây dựng-chuyển giao (BT) thuộc quy định chuyển tiếp của Nghị định số 25/2020/NĐ-CP có phải tính toán và đưa quy định nhà đầu tư phải nộp giá sàn nộp ngân sách Nhà nước (m3) đối với dự án khác (dự án để thanh toán dự án BT) vào hồ sơ mời thầu đối với loại dự án BT không?

**Trả lời:**

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 90 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP của Chính phủ, đối với hồ sơ mời sơ tuyển được phát hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định của Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 06/2020/TT-BKHĐT, việc lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện như sau:

- Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên trúng sơ tuyển, dự án được áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP. Thủ tục lựa chọn nhà đầu tư tiếp theo được thực hiện theo quy định tại các Chương III, IV và V Nghị định số 30/2015/NĐ-CP. Hồ sơ mời thầu được phát hành cho các nhà đầu tư trong danh sách ngắn theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Điều 49 và Điều 61 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.

- Trường hợp có một nhà đầu tư trúng sơ tuyển, dự án được áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP. Thủ tục lựa chọn nhà đầu tư tiếp theo được thực hiện theo quy định tại Chương VI Nghị định số 30/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Theo đó, phương pháp đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại đối với dự án BT tuân thủ theo quy định của Nghị định số 30/2015/NĐ-CP và Thông tư số 15/2016/TT-BKHĐT.

*(còn tiếp)*

## HỎI ĐÁP

**9. Hỏi:**

Theo tôi tham khảo phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 25/2020/NĐ-CP tách rõ 2 loại: Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) và dự án đầu tư có sử dụng đất để xây dựng nhà ở thương mại, công trình thương mại...cho mục đích kinh doanh.

Tuy nhiên, quy định về nội dung hồ sơ mời thầu tại NĐ số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/2/2020 của Chính phủ chỉ hướng dẫn việc xác định giá sàn nộp ngân sách Nhà nước đối với các dự án đầu tư có sử dụng đất, mà không có quy định đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

Vậy khi lập hồ sơ mời thầu đối với các dự án đầu tư theo hình thức xây dựng-chuyển giao (BT) thuộc quy định chuyển tiếp của Nghị định số 25/2020/NĐ-CP có phải tính toán và đưa quy định nhà đầu tư phải nộp giá sàn nộp ngân sách Nhà nước (m3) đối với dự án khác (dự án để thanh toán dự án BT) vào hồ sơ mời thầu đối với loại dự án BT không?

**Trả lời: (tiếp)**

Theo quy định tại Khoản 5.2.3 Điều 5.2 Mục 5 Chương III Mẫu hồ sơ mời thầu Thông tư số 15/2016/TT-BKHĐT, đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT, sử dụng phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước để đánh giá tài chính - thương mại (ghi chú số 02). Trong đó, hiệu quả đầu tư được đánh giá thông qua tiêu chí đề xuất nộp ngân sách Nhà nước bằng tiền (m3 là thuật ngữ áp dụng đối với dự án đầu tư có sử dụng đất, không liên quan đến dự án BT).

Đối với trường hợp của bà Huyền, dự án BT đang trong quá trình lập hồ sơ mời thầu và dự án BT thuộc quy định chuyển tiếp của Nghị định số 25/2020/NĐ-CP. Vì vậy, đề nghị bà nghiên cứu, xác định trường hợp áp dụng cụ thể.

Ngoài ra, ngày 18/6/2020, Quốc hội đã ban hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/1/2021.

Trong đó, Khoản 5 Điều 101 Luật PPP quy định chuyển tiếp đối với dự án BT; kể từ ngày Luật PPP có hiệu lực thi hành, trường hợp dự án chưa phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu thì dừng thực hiện; trường hợp đã phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu thì tiếp tục thực hiện căn cứ vào hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và quy định của pháp luật tại thời điểm phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

## HỎI ĐÁP

**10. Hỏi:**

Kính gửi Bộ Tài chính. DN tôi thuộc lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi. Liên quan đến vấn đề về niêm yết, kê khai giá và thủ tục thực hiện niêm yết, thì khi tăng hay giảm giá chúng tôi đều thực hiện kê khai nghiêm túc đúng theo luật. Nhưng có 1 vấn đề còn vướng mắc đó là: trong nội bộ tập đoàn thì chúng tôi có bán thành phẩm cho nhau, GIÁ là GIÁ VỐN cộng thêm 3%. DN tôi áp dụng phần mềm quản lý doanh nghiệp ERP nên phần mềm sẽ tự động tính giá khi xuất hàng, chúng tôi không kiểm soát được về giá tự động đó. Nên khi xuất bán hàng trong nội bộ xong thì mới biết chính xác giá của thành phẩm, ngô, khô đậu (Ngô và khô đậu chỉ phát sinh bán do hàng hóa mua theo lô nhập khẩu về và sau khi các công ty phân chia tại cảng, vào xe conteno kéo về, các cty sẽ căn cứ vào hợp đồng mua bán, thừa thiếu thì sẽ bán lại phần nhỏ đó) . Theo luật thì phải kê khai giá trước khi bán, do vậy mà chúng tôi sẽ luôn bị sai luật trong việc kê khai giá bán trong Nội bộ công ty. Vậy tôi xin hỏi có biện pháp gì khắc phục được không? Hoặc công ty chúng tôi làm công văn xin được phép cam kết bán thành phẩm trong NỘI BỘ tập đoàn là giá vốn của thời điểm xuất bán + thêm 3%, cam kết giá bán không vượt với Giá Niêm yết bán trên thị trường có được không?

**Trả lời:**

Theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá, các tổ chức cá nhân thực hiện kê khai giá: “Không được áp dụng mức giá kê khai trong mua, bán hàng hóa, dịch vụ trước ngày thực hiện kê khai giá theo quy định. Trường hợp kê khai giảm giá, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện giảm giá ngay phù hợp với biến động giảm của yếu tố hình thành giá; đồng thời, gửi Văn bản kê khai giá, thông báo mức giảm giá đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

Do đó, đề nghị Công ty căn cứ theo quy định nêu trên và các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giá thực hiện kê khai giá theo đúng quy định của pháp luật.

## HỎI ĐÁP

**11. Hỏi:**

Kính gửi Bộ Tài chính! Em có một số vướng mắc về công tác hạch toán kế toán theo Thông tư 107/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính tại đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động, mong nhận được phản hồi của quý Bộ như sau: đơn vị Em có thực hiện một hợp đồng dịch vụ nghiên cứu khoa học, thời gian thực hiện hợp đồng là 3 năm từ năm 2019 đến năm 2021, bên người mua chuyển tiền toàn bộ 100% giá trị hợp đồng cho đơn vị em sau khi ký hợp đồng. Theo quy định tại khoản 2 điều 16 thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài Chính, thì " Trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ tiến hành thu tiền trước hoặc trong khi cung ứng dịch vụ thì ngày lập hóa đơn là ngày thu tiền". Vậy trong trường hợp này, Quý Bộ cho Em hỏi nếu sau khi nhận được toàn bộ giá trị hợp đồng, đơn vị Em tiến hành lập hóa đơn GTGT nhưng hợp đồng chưa được thực hiện và nghiệm thu, thì Em hạch toán như thế nào với khoản tiền nhận được và xuất hóa đơn đó? Nếu lên doanh thu mà chưa có chi phí thì phần thuế TNDN năm đó tính làm sao ạ? Có được đưa vào doanh thu nhận trước 3383 và chi phí thì treo lên 154 để khi nào hợp đồng được nghiệm thu và thanh lý thì đưa lên 531 và 632 không ạ? Em rất mong nhận được câu trả lời từ Quý Bộ. Chân thành cảm ơn!

**Trả lời:**

Nội dung thư độc giả hỏi về hạch toán kế toán theo Thông tư 107/2017/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp trong trường hợp thực hiện hợp đồng dịch vụ nghiên cứu khoa học và nhận được tiền ngay sau khi ký hợp đồng. Về vấn đề này Cục Quản lý giám sát Kế toán, Kiểm toán- Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Trường hợp đơn vị nhận được tiền của khách hàng khi chưa cung cấp dịch vụ thì chưa được ghi nhận doanh thu ngay, mà được hạch toán là khoản nhận trước của khách hàng. Vì vậy đề nghị độc giả nghiên cứu hướng dẫn hạch toán trên tài khoản 131- Phải thu khách hàng tại Phụ lục 02, chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC.

## CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

### 1. Công văn số: 141/CTHN-TTHT ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc hướng dẫn chính sách thuế GTGT đối với hàng bồi thường.

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 01-20/SOMAR-CV ghi ngày 14/12/2020 của Công ty TNHH Somar Việt Nam Corporation (sau đây gọi tắt là “Công ty”) vướng mắc về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT.

- Căn cứ Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

- Căn cứ Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ.

Căn cứ quy định trên, trường hợp Công ty có phát sinh mua bán hàng hóa giữa các khu phi thuế quan với nhau theo quy định của pháp luật thì hàng hóa này thuộc đối tượng không

chịu thuế GTGT theo hướng dẫn tại Khoản 20 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

Trường hợp Công ty bồi thường bằng hàng hóa cho khách hàng thì Công ty phải lập hóa đơn và kê khai, tính, nộp thuế GTGT như đối với bán hàng hóa. Đối với hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định thì Công ty lập hóa đơn theo hướng dẫn tại Khoản 2.1 Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính.

Đối với khoản chi mua hàng bồi thường của Công ty nếu đáp ứng quy định Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính thì Công ty được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Nội dung vướng mắc liên quan đến hạch toán kế toán không thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục Thuế TP Hà Nội, đề nghị đơn vị liên hệ với Cục quản lý giám sát kế toán và kiểm toán - Bộ Tài chính để được hướng dẫn theo đúng thẩm quyền. Đề nghị Công ty căn cứ vào tình hình thực tế và đối chiếu với các quy định tại văn bản pháp luật nêu trên để thực hiện đúng quy định.

Cục Thuế TP Hà Nội thông báo Công ty TNHH Somar Việt Nam Corporation được biết và thực hiện./.

## CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

### 2. Công văn số: 280/CTHN-TTHT ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc lập hóa đơn đối với khoản tiền thanh toán cho người lao động làm việc tại chi nhánh.

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 20201202 ngày 03/12/2020 của Công ty TNHH AeonMall Việt Nam hỏi về chi phí lương phân bổ cho chi nhánh. Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Điều 59 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.
- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành luật thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật thuế GTGT.
- Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ

Căn cứ các quy định và hướng dẫn trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trường hợp Công ty nhận khoản tiền của Chi nhánh tại Hải Phòng để thanh toán các khoản phải trả cho người lao động (tiền lương, tiền thưởng, trợ cấp, phụ cấp và trích đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn cho người lao động) nếu xác định là khoản thu hộ, chi hộ, Công ty không phải lập hóa đơn mà lập chứng từ thu, chi theo quy định.

Trường hợp Công ty nhận khoản tiền của Chi nhánh tại Hải Phòng là khoản tiền phí dịch vụ cho thuê lại lao động thì Công ty phải lập hóa đơn GTGT và kê khai, nộp thuế theo quy định.

### 3. Công văn số: 282/CTHN-TTHT ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc chính sách thuế GTGT Hà Nội.

Trả lời công văn số 162/CVTLIP ngày 10/12/2020 của Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long (sau đây gọi tắt là Công ty) về chính sách thuế GTGT, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT.

Trường hợp Công ty cung cấp dịch vụ cho thuê cơ sở hạ tầng công bề và đường ống cấp để kéo đường cáp quang cho Doanh nghiệp chế xuất thì:

- Trường hợp Công ty cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở trong khu phi thuế quan và tiêu dùng trong khu phi thuế quan được coi là dịch vụ xuất khẩu áp dụng thuế suất thuế GTGT là 0% nếu đáp ứng theo quy định tại tiết b Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

## CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

- Trường hợp Công ty cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở trong khu phi thuế quan và tiêu dùng ngoài khu phi thuế quan thì không được coi là dịch vụ xuất khẩu do đó không được áp dụng thuế suất thuế GTGT là 0%.

Đối với trường hợp Công ty kinh doanh nhiều loại hàng hóa, dịch vụ có mức thuế suất GTGT khác nhau phải khai thuế GTGT theo từng mức thuế suất quy định đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ; nếu Công ty kinh doanh không xác định theo từng mức thuế suất thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất của hàng hóa, dịch vụ mà Công ty sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

Đề nghị Công ty nghiên cứu cơ sở pháp lý nêu trên, căn cứ tình hình thực tế để thực hiện đúng quy định pháp luật.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long được biết và thực hiện./.

### **4. Công văn số 71/TCT-CS ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế nhà thầu.**

Trường hợp Công ty Intel Deutschland GmbH - Đức ký hợp đồng để chuyển nhượng/bán lại cho Công ty Intel Corporation - Mỹ các linh kiện, thành phẩm, bán thành phẩm được Công ty Intel Deutschland GmbH - Đức giao cho Công ty TNHH Intel Products Việt Nam gia công, sản xuất lắp ráp, kiểm định tại nhà máy của Công ty TNHH Intel Products Việt Nam sau đó xuất khẩu ra nước ngoài, cũng như chuyển nhượng Hợp đồng lắp ráp, kiểm định giữa Công ty Intel Deutschland GmbH - Đức và Công ty TNHH Intel Products Việt Nam cho Công ty Intel Corporation - Mỹ tiếp tục thực hiện việc giao gia công để xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài và Công ty Intel Deutschland GmbH - Đức phát sinh thu nhập từ các giao dịch này thì đây được xác định là thu nhập từ hoạt động bán tài sản, chuyển nhượng hợp đồng lắp ráp, kiểm định của Công ty Intel Deutschland GmbH - Đức tại Việt Nam. nên Công ty Intel Deutschland GmbH - Đức thuộc đối tượng nộp thuế nhà thầu tại Việt Nam theo quy định.

Đề nghị Cục Thuế TP Hồ Chí Minh kiểm tra hồ sơ, hợp đồng, các tài liệu có liên quan khác đồng thời phối hợp, làm việc với Công ty TNHH Intel Products Việt Nam và các bên liên quan để hướng dẫn các đơn vị thực hiện nghĩa vụ thuế theo đúng quy định của pháp luật về thuế.

## CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

### 5. Công văn số: 991/CTHN-TTHT ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc xuất hóa đơn cho chi nhánh.

Trả lời công văn số 90/CV-ALS ngày 24/11/2020 của Công ty cổ phần Logistics Hàng không (sau đây gọi là Công ty) về việc vướng mắc ký hợp đồng và lập hóa đơn cho Chi nhánh tại tỉnh Bắc Ninh (sau đây gọi là Chi nhánh) đối với dịch vụ đã cung cấp, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến sau:

- Căn cứ Điều 84 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 quy định.
- Căn cứ khoản 1 Điều 45 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 quy định.
- Căn cứ khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 59 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.
- Căn cứ Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.
- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng.

Căn cứ các quy định, hướng dẫn nêu trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

#### 1. Về việc Công ty lập hóa đơn cho Chi nhánh khi cung cấp dịch vụ:

Trường hợp Công ty cung ứng dịch vụ cho Chi nhánh tại tỉnh Bắc Ninh (Mã số thuế: 0102355611-001; là đơn vị phụ thuộc hạch toán độc lập với Công ty) thì Công ty thực hiện lập hóa đơn để giao cho Chi nhánh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính nêu trên.

#### 2. Về việc Chi nhánh và Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với nhau:

Nội dung Công ty hỏi về việc Chi nhánh và Công ty có được ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với nhau là không thuộc thẩm quyền hướng dẫn của cơ quan thuế. Đề nghị Công ty nghiên cứu các quy định của pháp luật có liên quan và liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn.

Đề nghị Công ty nghiên cứu các văn bản trích dẫn nêu trên và các văn bản pháp luật liên quan, đối chiếu với tình hình thực tế để triển khai và thực hiện lập hóa đơn theo đúng quy định.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty Cổ phần Logistics Hàng không được biết và thực hiện./.

## CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

### 6. Công văn số: 1182/CTHN-TTHT ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc thuế TNCN, thuế nhà thầu.

Trả lời công văn số 148/2020/CV-RHBSVN đề ngày 26/11/2020 của Công ty TNHH Chứng khoán RHB Việt Nam hỏi về việc hoàn trả chi phí tiền lương của người nước ngoài, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ.
- Căn cứ Điều 21 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính.
- Căn cứ Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội.
- Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.
- Căn cứ Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam.

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp Công ty có người lao động nước ngoài do công ty mẹ tại Malaysia cử

sang làm việc tại Việt Nam và không ký hợp đồng lao động trực tiếp với Công ty thì:

- Trường hợp người lao động nước ngoài được xác định là cá nhân cư trú theo quy định của Luật thuế TNCN và có phát sinh thu nhập từ tiền lương, tiền công do công ty mẹ ở nước ngoài chi trả từ tháng 07/2019 đến tháng 11/2020 thì thực hiện khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 26 Thông tư số 111/2013/TT-BTC, Điều 21 Thông tư số 92/2015/TT-BTC, Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2020), Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ (có hiệu lực thi hành từ ngày 05/12/2020).

- Trường hợp công ty mẹ phát sinh thu nhập từ thỏa thuận cử người lao động sang Việt Nam làm việc thì thuộc đối tượng chịu thuế nhà thầu theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 103/2014/TT-BTC. Trường hợp công ty mẹ (Nhà thầu nước ngoài) không đáp ứng được một trong các điều kiện nêu tại Điều 8 Mục 2 Chương II Thông tư số 103/2014/TT-BTC thì Công ty TNHH Chứng khoán RHB Việt Nam có trách nhiệm nộp thay thuế cho Nhà thầu nước ngoài theo hướng dẫn tại Điều 11 Thông tư số 103/2014/TT-BTC nêu trên.

Đề nghị Công ty căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị, đối chiếu với các quy định của pháp luật để thực hiện theo đúng quy định.

Cục thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty TNHH Chứng khoán RHB Việt Nam biết và thực hiện./.

## CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

### 7. Công văn số 153/TCT-CS ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế.

Trường hợp Công ty TNHH DCT Partners Việt Nam mua Bảo hiểm nhân thọ cho khách hàng không phải là người lao động của Công ty để làm quà tặng theo chương trình khuyến mại đã đăng ký với Sở Công Thương tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, hợp đồng Bảo hiểm là giao dịch giữa Khách hàng và bên Công ty Bảo hiểm, Công ty là người đứng ra trả phí năm đầu tiên nhưng hóa đơn lại xuất mang tên khách hàng thông qua Hợp đồng Bảo hiểm giữa khách hàng và Công ty Bảo hiểm thì khoản chi này không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp khách hàng được Công ty TNHH DCT Partners Việt Nam đóng phí gói bảo hiểm cho năm đầu tiên thì khoản phí gói bảo hiểm này không thuộc điều chỉnh của Luật Thuế thu nhập cá nhân về thu nhập chịu thuế từ quà tặng.

### 8. Công văn số: 1983/CTHN-TTHT ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc hướng dẫn về hóa đơn.

Trả lời công văn số 1077/TC-ADCC ngày 11/12/2020 của Công ty TNHH MTV Thiết kế và tư vấn Xây dựng công trình hàng không ADCC (sau đây gọi là Công ty) về việc lập hóa đơn và xử lý đối với hóa đơn đã lập, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

- Căn cứ Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính

Căn cứ vào hoá đơn điều chỉnh, người bán và người mua kê khai điều chỉnh doanh số mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào. Hóa đơn điều chỉnh không được ghi số âm (-)”

Căn cứ các quy định, hướng dẫn nêu trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

1. Công ty phải lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ để giao cho người mua; về nguyên tắc lập hoá đơn và cách lập một số tiêu thức cụ thể trên hoá đơn được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 16 Thông tư số 39/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015) nêu trên.

2. Việc thiết lập hồ sơ, lập hoá đơn điều chỉnh giữa người bán và người mua đối với hoá đơn đã lập có sai sót được quy định tại khoản 3 Điều 20 “Thông tư số 39/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính nêu trên.

Đề nghị Công ty nghiên cứu các văn bản trích dẫn nêu trên và các văn bản pháp luật liên quan, đối chiếu với tình hình thực tế để thực hiện lập hóa đơn theo đúng quy định.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty TNHH MTV Thiết kế và tư vấn Xây dựng công trình hàng không ADCC được biết và thực hiện./.

## CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

### 9. Công văn số: 1985/CTHN-TTHT ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc bù trừ công nợ và nghĩa vụ thuế nhà thầu.

Trả lời công văn số: 30122020/CV-ZN ngày 30/12/2020 của Công ty Zenith International Việt Nam đề nghị hướng dẫn hình thức bù trừ công nợ và nghĩa vụ thuế nhà thầu phát sinh, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính. Trường hợp Công ty mẹ ở nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng vay tiền và hợp đồng dịch vụ tư vấn giữa Công ty mẹ tại nước ngoài với Công ty ở Việt Nam thì Công ty mẹ ở nước ngoài thuộc đối tượng áp dụng tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính.

Trường hợp Công ty mẹ ở nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện để trực tiếp kê khai thuế tại Việt Nam theo quy định tại Điều 8 Mục 2 Chương II Thông tư 103/2014/TT-BTC thì Công ty có trách nhiệm khấu trừ, kê khai và nộp thuế thay cho Công ty mẹ ở nước ngoài trước khi trả thu nhập.

Về vướng mắc Công ty mẹ ở nước ngoài có được phép bù trừ khoản công nợ 810.000 USD để chuyển vào tiền tăng vốn của Công ty ở Việt Nam, không thuộc thẩm quyền hướng dẫn của cơ quan thuế. Đề nghị Công ty nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật liên quan và liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn cụ thể.

### 10. Công văn số: 2545/CTHN-TTHT ngày 20/01/2021 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc quyết toán thuế TNCN.

Trả lời công văn số 1512-2020 ngày 15/12/2020 Công ty TNHH Kurita Việt Nam về việc quyết toán thuế TNCN cho người lao động nước ngoài về nước, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến sau:

- Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ Khoản 3 Điều 21 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính

Trường hợp Công ty chi trả các khoản lợi ích và phụ cấp có tính chất tiền lương, tiền công cho người lao động nước ngoài được xác định là cá nhân cư trú tại Việt Nam (ký hợp đồng lao động với Công ty từ 03 tháng trở lên) sau khi chấm dứt hợp đồng lao động, nếu khoản chi này từ hai triệu (2.000.000) đồng trở lên thì Công ty phải khấu trừ thuế TNCN theo mức 10% trên tổng thu nhập trước khi trả cho người lao động (trừ các khoản thu nhập được trừ khi tính thuế TNCN, thu nhập được miễn thuế TNCN).

Trường hợp người lao động nước ngoài khi kết thúc hợp đồng làm việc tại Việt Nam nhưng trước khi xuất cảnh chưa làm thủ tục quyết toán thuế với cơ quan thuế thì có thể ủy quyền theo quy định của Bộ luật dân sự cho Công ty quyết toán thuế nếu Công ty cam kết chịu trách nhiệm với cơ quan thuế về số thuế thu nhập cá nhân phải nộp của cá nhân theo quy định. Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân trong trường hợp này chậm nhất là ngày thứ 45 (bốn mươi lăm) kể từ ngày cá nhân xuất cảnh.

## CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

### 11. Công văn số: 2548/CTHN-TTHT ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc hướng dẫn về chính sách thuế GTGT đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản.

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 287/CV-VPRO ghi ngày 29/12/2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư nhà đất Việt vướng mắc về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Điều 47 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/06/2019 quy định về khai bổ sung hồ sơ khai thuế.
- Căn cứ Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế.
- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT.
- Căn cứ Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, người bán và người mua kê khai điều chỉnh doanh số mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào. Hóa đơn điều chỉnh không được ghi số âm (-). ...”

Căn cứ quy định trên, trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư nhà đất Việt có phát sinh hoạt động chuyển nhượng bất động sản thì Công ty phải lập hóa đơn và kê khai thuế GTGT theo quy định, giá tính thuế GTGT đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản Công ty thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 10 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính nêu trên. Nội dung vướng mắc của Công ty về giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất không thuộc thẩm quyền hướng dẫn của cơ quan thuế.

Trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư nhà đất Việt đã lập hóa đơn và giao cho người mua, đã kê khai thuế, sau đó phát hiện sai sót thì người bán và người mua phải lập biên bản hoặc có thỏa thuận bằng văn bản ghi rõ sai sót, đồng thời người bán lập hóa đơn điều chỉnh sai sót theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 20 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính. Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh Công ty khai bổ sung cho hồ sơ khai thuế có sai, sót theo quy định tại Điều 47 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/06/2019 và khoản 4 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Đề nghị đơn vị căn cứ vào tình hình thực tế và đối chiếu với các quy định tại văn bản pháp luật nêu trên để thực hiện đúng quy định.

Cục Thuế TP Hà Nội thông báo Công ty cổ phần Đầu tư nhà đất Việt được biết và thực hiện./.

## KIẾN THỨC PHÁP LUẬT

- |    |                                                                                 |
|----|---------------------------------------------------------------------------------|
| 26 | Hàng loạt điểm mới về Lao động - Tiền lương từ ngày 01/02/2021.                 |
| 30 | Tổng cục Thuế giới thiệu nhiều điểm mới của Nghị định 132/2020                  |
| 31 | Hóa đơn đầu vào chưa thanh toán có được khấu trừ thuế hay không?                |
| 33 | Tổng cục Thuế hướng dẫn quyết toán thuế thu nhập cá nhân kỳ tính thuế năm 2020. |



## Hàng loạt điểm mới về Lao động - Tiền lương từ ngày 01/02/2021.

Nghị định 145/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/02/2021 quy định hàng loạt điểm mới về lao động - tiền lương, đơn cử như:

### 1. Điểm mới về thời gian làm việc để tính số ngày nghỉ phép năm

Theo quy định tại Điều 65 Nghị định 145/2020/NĐ-CP, có 10 khoảng thời gian được tính là thời gian làm việc để tính số ngày nghỉ phép năm, cụ thể:

- Thời gian học nghề, tập nghề theo quy định tại Điều 61 của Bộ luật Lao động nếu sau khi hết thời gian học nghề, tập nghề mà NLD làm việc cho người sử dụng lao động.
- Thời gian thử việc nếu NLD tiếp tục làm việc cho người sử dụng lao động sau khi hết thời gian thử việc.
- Thời gian nghỉ việc riêng có hưởng lương theo khoản 1 Điều 115 của Bộ luật Lao động.
- Thời gian nghỉ việc không hưởng lương nếu được người sử dụng lao động đồng ý nhưng cộng dồn không quá 01 tháng trong một năm.
- Thời gian nghỉ do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp nhưng cộng dồn không quá 6 tháng.
- Thời gian nghỉ do ốm đau nhưng cộng dồn không quá 02 tháng trong một năm.
- Thời gian nghỉ hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.
- Thời gian thực hiện các nhiệm vụ của tổ chức đại diện NLD tại cơ sở mà được tính là thời gian làm việc theo quy định của pháp luật.

(Hiện hành, tại khoản 8 Điều 6 Nghị định 45/2013/NĐ-CP là thời gian nghỉ để hoạt động công đoàn theo quy định của pháp luật về công đoàn).

- Thời gian phải ngừng việc, nghỉ việc không do lỗi của NLD.
- Thời gian nghỉ vì bị tạm đình chỉ công việc nhưng sau đó được kết luận là không vi phạm hoặc không bị xử lý kỷ luật lao động.

(Bổ nội dung "thời gian bị tạm giữ, tạm giam nhưng được trở lại làm việc do được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kết luận không phạm tội" tại khoản 11 Điều 6 Nghị định 45/2013/NĐ-CP).

## **2. NLD làm chưa đủ 01 tháng vẫn có thể có ngày nghỉ phép năm**

Tại Khoản 2 Điều 66 Nghị định 145/2020/NĐ-CP thì trường hợp NLD làm việc chưa đủ tháng, nếu tổng số ngày làm việc và ngày nghỉ có hưởng lương của NLD (nghỉ lễ, tết, nghỉ hằng năm, nghỉ việc riêng có hưởng lương theo Điều 112, 113, 114 và Điều 115 của Bộ luật Lao động) chiếm tỷ lệ từ 50% số ngày làm việc bình thường trong tháng theo thỏa thuận thì tháng đó được tính là 01 tháng làm việc để tính ngày nghỉ hằng năm.

Như vậy: Căn cứ quy định trên, có thể thấy trường hợp NLD làm việc chưa đủ 01 tháng thì vẫn có thể có ngày nghỉ phép năm nếu đáp ứng điều kiện có tổng số ngày làm việc và ngày nghỉ có hưởng lương theo quy định tại Bộ luật lao động 2019 chiếm tỷ lệ từ 50% số ngày làm việc bình thường trong tháng theo thỏa thuận với người sử dụng lao động.

## **3. Thay đổi về tiền lương làm căn cứ trả cho NLD những ngày chưa nghỉ hằng năm**

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 113 Bộ luật lao động 2019 thì trường hợp do thôi việc, bị mất việc làm mà chưa nghỉ hằng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm thì được người sử dụng lao động thanh toán tiền lương cho những ngày chưa nghỉ.

Theo đó, theo quy định tại Khoản 3 Điều 67 Nghị định 145/2020/NĐ-CP thì tiền lương làm căn cứ trả cho NLD những ngày chưa nghỉ hằng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm theo quy định trên là tiền lương theo HĐLĐ của tháng trước liền kề tháng NLD thôi việc, bị mất việc làm.

(Trước đây, theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 26 Nghị định 05/2015/NĐ-CP thì tiền lương làm căn cứ trả cho NLD trong những ngày chưa nghỉ hằng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm là mức bình quân tiền lương theo HĐLĐ của 06 tháng trước liền kề trước khi thôi việc, bị mất việc làm (với NLD đã làm việc từ đủ 06 tháng trở lên) hoặc bình quân bình quân theo HĐLĐ của toàn bộ thời gian làm việc (nếu có thời gian làm việc dưới 06 tháng).

## **4. Thời hạn báo trước khi đơn phương chấm dứt HĐLĐ đối với một số ngành, nghề, công việc đặc thù**

Theo quy định tại Điều 7 Nghị định 145/2020/NĐ-CP thì khi NLD làm ngành, nghề, công việc đặc thù đơn phương chấm dứt HĐLĐ hoặc người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt HĐLĐ đối với những NLD này thì thời hạn báo trước như sau:

- Ít nhất 120 ngày đối với HĐLĐ không xác định thời hạn hoặc HĐLĐ xác định thời hạn từ 12 tháng trở lên;
- Ít nhất bằng một phần tư thời hạn của HĐLĐ đối với HĐLĐ có thời hạn dưới 12 tháng.

Trong đó, ngành, nghề, công việc đặc thù ở đây gồm:

- + Thành viên tổ lái tàu bay; nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay, nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không; nhân viên điều độ, khai thác bay;
- + Người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;
- + Thuyền viên thuộc thuyền bộ làm việc trên tàu Việt Nam đang hoạt động ở nước ngoài; thuyền viên được doanh nghiệp Việt Nam cho thuê lại làm việc trên tàu biển nước ngoài;
- + Trường hợp khác do pháp luật quy định.

### **5. Hướng dẫn rõ các hành vi vị coi là quấy rối tình dục tại nơi làm việc**

Theo quy định tại Điều 84 Nghị định 145/2020/NĐ-CP thì quấy rối tình dục có thể xảy ra dưới dạng trao đổi như đề nghị, yêu cầu, gợi ý, đe dọa, ép buộc đối quan hệ tình dục lấy bất kỳ lợi ích nào liên quan đến công việc; hoặc những hành vi có tính chất tình dục không nhằm mục đích trao đổi, nhưng khiến môi trường làm việc trở nên khó chịu và bất an, gây tổn hại về thể chất, tinh thần, hiệu quả công việc và cuộc sống của người bị quấy rối.

Quấy rối tình dục tại nơi làm việc bao gồm:

- Hành vi mang tính thể chất gồm hành động, cử chỉ, tiếp xúc, tác động vào cơ thể mang tính tình dục hoặc gợi ý tình dục;
- Quấy rối tình dục bằng lời nói gồm lời nói trực tiếp, qua điện thoại hoặc qua phương tiện điện tử có nội dung tình dục hoặc có ngụ ý tình dục;
- Quấy rối tình dục phi lời nói gồm ngôn ngữ cơ thể; trưng bày, miêu tả tài liệu trực quan về tình dục hoặc liên quan đến hoạt động tình dục trực tiếp hoặc qua phương tiện điện tử.

Nơi làm việc ở đây là bất cứ địa điểm nào mà NLD thực tế làm việc theo thỏa thuận hoặc phân công của người sử dụng lao động, bao gồm cả những địa điểm hay không gian có liên quan đến công việc như các hoạt động xã hội, hội thảo, tập huấn, chuyển đi công tác chính thức, bữa ăn, hội thoại trên điện thoại, các hoạt động giao tiếp qua phương tiện điện tử, phương tiện đi lại do người sử dụng lao động bố trí từ nơi ở đến nơi làm việc và ngược lại, nơi ở do người sử dụng lao động cung cấp và địa điểm khác do người sử dụng lao động quy định.

## **6. Trường hợp DN bắt buộc phải lắp đặt phòng vắt, trữ sữa mẹ tại nơi làm việc**

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 80 Nghị định 145/2020/NĐ-CP thì trường hợp người sử dụng lao động sử dụng từ 1 ngàn NLD nữ trở lên thì phải lắp đặt phòng vắt, trữ sữa mẹ tại nơi làm việc.

Theo đó, phòng vắt, trữ sữa mẹ là một không gian riêng tư, không phải buồng tắm hay buồng vệ sinh; có nguồn điện, nước, bàn, ghế, tủ lạnh bảo đảm vệ sinh, quạt hoặc điều hòa; bố trí ở vị trí thuận tiện sử dụng, được che chắn khỏi sự xâm phạm, tầm nhìn của đồng nghiệp và công cộng để lao động nữ có thể cho con bú hoặc vắt, trữ sữa.

(Hiện hành, Khoản 4 Điều 7 Nghị định 85/2015/NĐ-CP chỉ quy định người sử dụng lao động lắp đặt phòng vắt, trữ sữa mẹ phù hợp với điều kiện thực tế tại nơi làm việc, nhu cầu của lao động nữ và khả năng của người sử dụng lao động).

## **7. Lao động nữ làm trọn ngày đèn đỏ: Có thể được nhận thêm tiền**

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 80 Nghị định 145/2020/NĐ-CP thì lao động nữ trong thời gian hành kinh có quyền được nghỉ mỗi ngày 30 phút tính vào thời giờ làm việc và vẫn được hưởng đủ tiền lương theo HĐLĐ.

Trường hợp lao động nữ không có nhu cầu nghỉ và được người sử dụng lao động đồng ý để NLD làm việc thì ngoài tiền lương được hưởng theo HĐLĐ, NLD được trả thêm tiền lương theo công việc mà NLD đã làm trong thời gian được nghỉ và thời gian làm việc này không tính vào thời giờ làm thêm của NLD (Trước đây Điều 7 Nghị định 85/2015/NĐ-CP không quy định nội dung này).

## **8. Lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi được nhận thêm tiền trong trường hợp sau**

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 80 Nghị định 145/2020/NĐ-CP thì lao động nữ trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi có quyền được nghỉ mỗi ngày 60 phút trong thời gian làm việc để cho con bú, vắt, trữ sữa, nghỉ ngơi.

Trường hợp lao động nữ không có nhu cầu nghỉ và được người sử dụng lao động đồng ý để người lao động làm việc thì ngoài tiền lương được hưởng theo HĐLĐ, NLD được trả thêm tiền lương theo công việc mà NLD đã làm trong thời gian được nghỉ (trước đây tại khoản 3 Điều 7 Nghị định 85/2015/NĐ-CP không quy định nội dung này).

## Tổng cục Thuế giới thiệu nhiều điểm mới của Nghị định 132/2020

Điểm mới về việc quản lý thuế với doanh nghiệp có giao dịch liên kết được Tổng cục Thuế giới thiệu tại Công văn 271/TCT-TTKT ngày 27/01/2021.

Nghị định 132/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành đã có hiệu lực từ ngày 20/12/2020 về quản lý thuế với doanh nghiệp có giao dịch liên kết và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020.

Theo đó, tại Công văn này, Tổng cục Thuế nêu rõ, Bộ Tài chính không ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định 132/2020/NĐ-CP. Đặc biệt, một số nội dung của Nghị định này so với trước đây gồm:

- Bổ sung thuật ngữ quy định “thỏa thuận của nhà chức trách có thẩm quyền”, “thỏa thuận quốc tế về thuế”, “tổ chức thay mặt nộp báo cáo” tại khoản 2, khoản 3, khoản 10 Điều 4 Nghị định 132;
- Bổ sung điểm 1 khoản 2 Điều 5 về các bên có quan hệ liên kết: Doanh nghiệp có phát sinh các giao dịch nhượng, nhận chuyển nhượng vốn góp ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp trong kỳ tính thuế...
- Bổ sung quy định về quản lý sử dụng báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của người nộp thuế phục vụ công tác quản lý rủi ro, trao đổi thông tin theo quy định và cam kết của Việt Nam tại Thỏa thuận quốc tế về thuế, không sử dụng để ấn định thuế;
- Bổ sung thêm quy định về các bên có quan hệ liên kết: Cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng, con riêng của vợ hoặc của chồng, con dâu, con rể, anh chị em cùng cha khác mẹ, anh chị em cùng mẹ khác cha, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha...

## Hóa đơn đầu vào chưa thanh toán có được khấu trừ thuế hay không?

Nhiều người dùng thắc mắc hóa đơn đầu vào chưa thanh toán có được khấu trừ thuế không? Quy định khấu trừ thuế hiện nay như thế nào? Cùng einvoice.vn giải đáp ngay các thắc mắc này trong bài viết dưới đây.

### 1. Quy định khấu trừ với hóa đơn đầu vào chưa thanh toán

Muốn biết hóa đơn đầu vào chưa thanh toán có được khấu trừ thuế hay không, bạn và doanh nghiệp phải căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành có liên quan tới vấn đề này. Cụ thể:

- Điều 10 của Thông tư 151/2014/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điểm c, Khoản 3, Điều 15, Thông tư số 219/2013/TT-BTC;
- Điểm c, Khoản 10, Điều 1, Thông tư số 26/2015/TT-BTC;
- Công văn số 06/TCT-CS.

Theo đó, việc khấu trừ thuế với các hóa đơn chưa thanh toán được Bộ Tài chính quy định như sau:

- Đối với các hàng hóa, dịch vụ mua trả chậm, trả góp có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên, các đơn vị kinh doanh cần căn cứ vào hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ trả chậm, trả góp để kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Trường hợp các chứng từ thanh toán qua ngân hàng chưa có do chưa tới thời điểm thanh toán theo đúng hợp đồng thì các đơn vị kinh doanh vẫn được phép kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào.
- Đối với các trường hợp khi thanh toán, đơn vị kinh doanh không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì đơn vị kinh doanh sẽ phải kê khai, điều chỉnh giảm thuế GTGT đã khấu trừ trước đó đối với các hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán vào kỳ tính thuế phát sinh việc thanh toán bằng tiền mặt. Áp dụng với cả trường hợp cơ quan thuế và các cơ quan chức năng đã có quyết định thanh tra, kiểm tra kỳ tính thuế có phát sinh thuế GTGT đã kê khai, khấu trừ.

Tại Công văn số 06/TCT-CS, khi giải đáp thắc mắc của Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh về chính sách thuế GTGT, Tổng cục Thuế đã khẳng định:

- Trường hợp chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng do chưa đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng thì cơ sở kinh doanh vẫn được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.
- Trường hợp đến thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng song đơn vị kinh doanh không có chứng từ thanh toán thì đơn vị kinh doanh vẫn chưa cần phải tiến hành điều chỉnh kê khai.

Trường hợp khi đến thời điểm thanh toán thực tế, đơn vị kinh doanh không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì khi này bắt buộc phải điều chỉnh kê khai giảm số thuế GTGT đã kê khai với tất cả giá trị hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng vào kỳ tính thuế phát sinh việc thanh toán thực tế.

Như vậy, căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành, các hóa đơn đầu vào chưa thanh toán vẫn được phép kê khai, khấu trừ thuế theo đúng quy định pháp luật. Chỉ những hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán vào kỳ phát sinh việc thanh toán thực tế mới không được phép kê khai, khấu trừ.

## **2. Quy định khấu trừ thuế GTGT đầu vào hiện nay**

Hiện nay, quy định khấu trừ thuế GTGT đầu vào phải tuân thủ các văn bản pháp lý sau:

- Điều 5, Thông tư 219/2013/TT-BTC;
- Điều 3, Thông tư 119/2014/TT-BTC;
- Điều 10, Thông tư 151/2014/TT-BTC;
- Điều 1, Thông tư 26/2015/TT-BTC;
- Điều 1, Thông tư 173/2016/TT-BTC.

Căn cứ vào các văn bản pháp luật trên, việc khấu trừ thuế GTGT đầu vào phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Các hàng hóa, dịch vụ mua vào có hóa đơn GTGT hợp pháp;
- Các hàng hóa, dịch vụ mua vào có giá trị thanh toán từ 20 triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt;
- Các chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì phải được chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng bên mua sang tài khoản ngân hàng bên bán theo đúng quy định pháp luật;

Lưu ý rằng, đối với trường hợp các hàng hóa, dịch vụ mua vào của một nhà cung cấp có giá trị dưới 20 triệu nhưng lại được mua nhiều lần/ngày và có tổng giá trị thanh toán từ 20 triệu đồng trở lên thì cũng chỉ được khấu trừ thuế khi có chứng từ thanh toán qua ngân hàng. Đồng thời, nhà cung cấp là người nộp thuế phải có mã số thuế, trực tiếp tiến hành khai và nộp thuế GTGT.

Bài viết trên đã giải đáp chi tiết tới bạn việc hóa đơn đầu vào chưa thanh toán có được khấu trừ thuế không.

## **Tổng cục Thuế hướng dẫn quyết toán thuế thu nhập cá nhân kỳ tính thuế năm 2020.**

Việc quyết toán thuế kỳ tính thuế năm 2020 được thực hiện theo các quy định và hướng dẫn tại: Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12; Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/7/2020; Nghị quyết số 954/2020/NQ-UBTVQH ngày 02/6/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh về thuế thu nhập cá nhân; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế có hiệu lực từ ngày 05/12/2020 và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

### **Mức giảm trừ gia cảnh**

Theo Nghị quyết số 954/2020/NQ-UBTVQH ngày 02/6/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh về thuế thu nhập cá nhân thì mức giảm trừ gia cảnh mới được chỉnh chỉnh tăng lên cụ thể như sau:

- Mức giảm trừ cho bản thân người nộp thuế tăng từ 9 triệu đồng/tháng lên mức 11 triệu đồng/tháng
- Mức giảm trừ cho người phụ thuộc tăng từ 3,6 triệu đồng/người/tháng lên mức 4,4 triệu đồng/người/tháng.

Với mức giảm trừ gia cảnh mới này, người nộp thuế sẽ được tính từ thời điểm ngày 01/01/2020 khi cá nhân thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân.

### **Các trường hợp phải quyết toán thuế thu nhập cá nhân**

Theo quy định thì cá nhân phải quyết toán thuế thu nhập cá nhân (QTT TNCN) trong các trường hợp: có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp thừa và có đề nghị hoàn thuế.

Để cắt giảm thủ tục hành chính cho người nộp thuế và giảm áp lực xử lý hồ sơ quyết toán cho cơ quan thuế, theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH13 và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định miễn thuế thu nhập cá nhân phải nộp thêm đối với cá nhân có số thuế phải nộp thêm sau quyết toán của từng năm từ 50.000 đồng trở xuống.

Như vậy, các cá nhân này sẽ không phải nộp thêm thuế cũng như không phải thực hiện việc QTT TNCN. Cá nhân thực hiện việc quyết toán thuế TNCN theo hình thức tự quyết toán hoặc ủy quyền quyết toán cho tổ chức trả thu nhập theo quy định.

## **Ủy quyền quyết toán thuế**

Cá nhân thực hiện việc ủy quyền quyết toán cho tổ chức trả thu nhập trong các trường hợp sau:

Thứ nhất, cá nhân có thu nhập duy nhất tại một nơi theo hợp đồng lao động; Cá nhân có thu nhập duy nhất tại một nơi theo hợp đồng lao động đồng thời có thu nhập vãng lai tại ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng và đã được khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo tỷ lệ 10%; Cá nhân là người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới do tổ chức cũ thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc tổ chức cũ và tổ chức mới trong cùng một hệ thống thì cá nhân được ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức mới.

Thứ hai, cá nhân ủy quyền quyết toán cũng được áp dụng các quy định về mức giảm trừ gia cảnh mới theo Nghị quyết số 954/NQ-UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và được áp dụng quy định về miễn thuế TNCN phải nộp thêm nếu phát sinh số thuế phải nộp thêm sau quyết toán từ 50.000 đồng trở xuống theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP. Tổ chức trả thu nhập có trách nhiệm xác định nghĩa vụ thuế của cá nhân, điều chỉnh mức giảm trừ, xác định số thuế TNCN được miễn theo đúng quy định nêu trên mà cá nhân ủy quyền quyết toán thuế không phải thực hiện các thủ tục hành chính nào khác.

## **Thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế**

Theo quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, từ kỳ tính thuế năm 2020, thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 4 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch đối với cá nhân khai quyết toán thuế trực tiếp với cơ quan thuế.

Đối với tổ chức trả thu nhập, thời hạn nộp hồ sơ QTT TNCN chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ ba kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính. Đối với cá nhân, kể từ kỳ QTT TNCN năm 2020, thời hạn nộp hồ sơ QTT đã được kéo dài trên 01 tháng so với quy định trước đây nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế.

## **Về khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân**

Đồng hành và hỗ trợ người nộp thuế có thể thực hiện việc khai thuế, nộp hồ sơ khai thuế được thuận lợi, Tổng cục Thuế tiếp tục triển khai việc khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân thông qua các ứng dụng điện tử. Cụ thể:

Thứ nhất, đối với việc khai QTT TNCN, ngành Thuế tiếp tục đẩy mạnh công tác hiện đại hoá, triển khai ứng dụng hỗ trợ kê khai thuế (HTKK) phiên bản mới nhất và cung cấp miễn phí cho người nộp thuế thông qua Website <https://thuedientu.gdt.gov.vn>.

Sử dụng ứng dụng này, người nộp thuế sẽ được hỗ trợ khai đúng và đủ từng chỉ tiêu trên tờ khai, hỗ trợ việc tính toán, xác định số thuế phải nộp theo quy định, hỗ trợ kết xuất tờ khai để người nộp thuế có thể thực hiện việc nộp hồ sơ khai thuế theo hình thức hồ sơ giấy hoặc hồ sơ nộp theo phương thức điện tử.

Đối với trường hợp cá nhân trực tiếp quyết toán thuế theo phương thức điện tử thì ngoài việc sử dụng ứng dụng hỗ trợ khai thuế nêu trên thì người nộp thuế có thể khai thuế trực tiếp trên Cổng TTĐT Tổng cục Thuế.

Thứ hai, để nộp hồ sơ khai thuế theo phương thức điện tử, người nộp thuế cần đăng ký Tài khoản giao dịch thuế điện tử với cơ quan thuế. Đây là một tiện ích mà cơ quan Thuế cung cấp cho người nộp thuế từ kỳ QTT TNCN năm 2020 nhằm mục đích cắt giảm thủ tục hành chính và tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế không phải đến cơ quan thuế để thực hiện nghĩa vụ quyết toán thuế TNCN như thời gian trước đây.

### **Nộp tiền thuế thu nhập cá nhân**

Song song với việc hỗ trợ cá nhân khai và nộp hồ sơ khai thuế bằng phương thức điện tử, ngành Thuế đã và đang tiếp tục đẩy mạnh việc phối hợp với các ngân hàng thương mại xây dựng các tính năng trên nền tảng ứng dụng như IntenetBanking, MobileBanking... từ đó hỗ trợ tối đa người nộp thuế thực hiện các giao dịch nộp thuế. Cụ thể:

Một là, khi nộp thuế điện tử, người nộp thuế cần lưu ý phải ghi đúng các thông tin về tài khoản Kho bạc Nhà nước, Chương, Tiểu mục thuế để đảm bảo số thuế được nộp đến đúng cơ quan thuế quyết toán. Theo quy định tại Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính thì Tiểu mục thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công là 1001; Mã Chương cấp quản lý đối với cá nhân là Chương 557 nếu cơ quan nộp hồ sơ quyết toán là Cục Thuế hoặc Chương 757 nếu cơ quan nộp hồ sơ quyết toán là Chi cục Thuế.

Hai là, Cá nhân có thể tra cứu trực tiếp trên website của từng cơ quan thuế nộp hồ sơ quyết toán thuế hoặc liên hệ với cơ quan thuế đó để được hỗ trợ cung cấp thông tin tài khoản của Kho bạc đồng cấp và danh sách các ngân hàng thương mại có phối hợp thu với cơ quan thuế. Cá nhân tra cứu hướng dẫn nộp thuế điện tử tại các website của từng ngân hàng để thực hiện nộp thuế điện tử một cách dễ dàng.

### **Xác định nơi nộp hồ sơ khai quyết toán thuế**

Để xác định được đúng nơi nộp hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân, tránh việc phải đi lại nhiều lần do chưa xác định đúng cơ quan thuế quyết toán, những năm qua ngành Thuế đã hỗ trợ cho người nộp thuế việc xác định cơ quan thuế quyết toán nêu người nộp thuế thực hiện việc khai thuế trên Cổng TTĐT Tổng cục Thuế (Website: <https://thuedientu.gdt.gov.vn>).

Từ kỳ QTT TNCN năm 2020, khi khai quyết toán thuế trên Cổng TTĐT Tổng cục Thuế, người nộp thuế ngoài việc được hỗ trợ chính xác cơ quan thuế quyết toán, thì còn được hỗ trợ nộp hồ sơ khai thuế điện tử (bao gồm tờ khai và các tài liệu kèm theo) đối với cá nhân đã đăng ký tài khoản giao dịch thuế điện tử.

Trường hợp cá nhân chưa có tài khoản giao dịch thuế điện tử thì cá nhân chỉ có thể gửi Tờ khai và phải in tờ khai đã khai trên Cổng TTĐT Tổng cục Thuế kèm theo các tài liệu theo quy định để nộp hồ sơ giấy trực tiếp đến cơ quan thuế thông qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến bộ phận một cửa của cơ quan thuế.

Trường hợp cá nhân không thực hiện việc khai thuế trên Cổng TTĐT Tổng cục Thuế thì cá nhân tự xác định cơ quan thuế quyết toán theo hướng dẫn tại Khoản 8 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP hoặc liên hệ với cơ quan thuế để được hỗ trợ, giải đáp./.

## **VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC**

- 38      Nghị định số: 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.
- 39      Nghị định số: 150/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.
- 40      Thông tư số: 111/2020/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính.
- 41      Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.



## **Nghị định số: 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.**

Ngày 14 tháng 12 năm 2020 Chính phủ ban hành Nghị định số 145/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

Theo đó, khi NLD làm ngành, nghề, công việc đặc thù đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động (HDLĐ) hoặc người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt HDLĐ đối với những NLD này thì thời hạn báo trước như sau:

- Ít nhất 120 ngày đối với HDLĐ không xác định thời hạn hoặc HDLĐ xác định thời hạn từ 12 tháng trở lên;
- Ít nhất bằng một phần tư thời hạn của HDLĐ đối với HDLĐ có thời hạn dưới 12 tháng.

Trong đó, ngành, nghề, công việc đặc thù ở đây bao gồm:

- Thành viên tổ lái tàu bay; nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay, nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không, nhân viên điều độ, khai thác bay;
- Người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;
- Thuyền viên thuộc thuyền bộ làm việc trên tàu Việt Nam đang hoạt động ở nước ngoài; thuyền viên được doanh nghiệp Việt Nam cho thuê lại làm việc trên tàu biển nước ngoài;
- Trường hợp khác do pháp luật quy định.

Nghị định 145/2020/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/02/2021.

Nghị định này làm hết hiệu lực Nghị định 41/2013/NĐ-CP, Nghị định 46/2013/NĐ-CP, Nghị định 44/2013/NĐ-CP, Nghị định 45/2013/NĐ-CP, Nghị định 49/2013/NĐ-CP, Nghị định 03/2014/NĐ-CP, Nghị định 27/2014/NĐ-CP, Nghị định 05/2015/NĐ-CP, Nghị định 85/2015/NĐ-CP, Nghị định 121/2018/NĐ-CP, Nghị định 148/2018/NĐ-CP, Nghị định 149/2018/NĐ-CP, Nghị định 29/2019/NĐ-CP

## **Nghị định số: 150/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.**

Ngày 25 tháng 12 năm 2020 Chính phủ ban hành Nghị định số 150/2020/NĐ-CP Về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập sang Công ty cổ phần.

Theo đó, quy định nhiều chính sách đối với NLĐ tại đơn vị sự nghiệp chuyển đổi thành CTCP (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp chuyển đổi), đơn cử như:

- Được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá trị 01 cổ phần tính theo mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần);

(Hiện hành, Quyết định 22/2015/QĐ-TTg không quy định cụ thể mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần).

- Người làm việc theo HĐLĐ thuộc đơn vị sự nghiệp chuyển đổi cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho CTCP với thời hạn ít nhất là 03 năm kể từ ngày DN đăng ký lần đầu sẽ được mua thêm cổ phần theo quy định;

- NLĐ có nhu cầu mua thêm cổ phần ngoài số cổ phần được mua theo quy định nêu trên sẽ thực hiện đăng ký mua đầu giá;

- Được chia số dư bằng tiền của Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ bổ sung thu nhập theo quy định tại Điều 14 Nghị định 150/2020.

- Tiếp tục tham gia và hưởng quyền lợi về BHXH, BHYT và các chế độ khác khi chuyển sang CTCP.

- Hưởng chế độ hưu trí và các quyền lợi theo chế độ hiện hành nếu đã có đủ điều kiện tại thời điểm công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập.

Nghị định 150/2020/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 15/02/2021 và thay thế Quyết định 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015.

## **Thông tư số: 111/2020/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính.**

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 111/2020/TT-BTC về Hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính, xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập, bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

Theo đó, tài sản bằng tiền gồm tiền mặt, tiền gửi và các giấy tờ có giá (tín phiếu, trái phiếu...) của ĐVSN công lập chuyển đổi được xác định như sau:

- Tiền mặt được xác định theo biên bản kiểm quỹ tại thời điểm xác định giá trị.
- Tiền gửi được xác định theo sổ dư đã đối chiếu xác nhận hoặc sổ phụ với ngân hàng, kho bạc nơi ĐVSN công lập mở tài khoản.
- Tiền mặt và tiền gửi là ngoại tệ được xác định theo nguyên tắc:
  - + Tỷ giá ngoại tệ được xác định theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi ĐVSN công lập chuyển đổi có giá trị giao dịch ngoại tệ lớn nhất tại thời điểm xác định giá trị.
  - + Trường hợp ĐVSN công lập chuyển đổi không có giao dịch ngoại tệ tại thời điểm xác định giá trị thì xác định theo tỷ giá trung tâm do Ngân hàng nhà nước công bố áp dụng tại thời điểm xác định giá trị.
- Các giấy tờ có giá được xác định theo giá giao dịch trên thị trường tại thời điểm xác định giá trị; nếu không có giao dịch thì xác định theo mệnh giá của giấy tờ đó.

Thông tư 111/2020/TT-BTC có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2021.

## **Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.**

Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Chính phủ ban hành Nghị định số 155/2020/NĐ-CP về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Theo đó, cổ đông công ty đại chúng đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng, tổ chức phát hành phải mở 01 tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng khoán của đợt chào bán, đợt phát hành tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trừ trường hợp phát hành cổ phiếu để hoán đổi, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động.

Bên cạnh đó, điều kiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng bao gồm: Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký chào bán tối thiểu 50 tỷ đồng; Có phương án phát hành và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán; Phải được giám sát bởi ngân hàng giám sát; Cổ phiếu chào bán ra công chúng phải được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán; Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán có tối thiểu 02 người điều hành...

Ngoài ra, biện pháp cấm thực hiện các hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán có thời hạn hoặc vĩnh viễn bao gồm: Cấm chào bán, phát hành chứng khoán có thời hạn hoặc vĩnh viễn; Cấm niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán có thời hạn hoặc vĩnh viễn; Cấm hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ về chứng khoán và thị trường chứng khoán; Cấm thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chứng thuộc lĩnh vực chứng khoán có thời hạn hoặc vĩnh viễn...

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021.

*Đây là một trong nhiều Bản tin của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM cập nhật những thông tin, cải cách mới về môi trường pháp lý, thuế và đầu tư của Việt Nam. Mọi thông tin, phân tích hay bình luận trong bản tin này nhằm giới thiệu chung, không thay thế cho bất kỳ lời tư vấn cho một tình huống cụ thể của khách hàng.*

# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

## TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 8, Cao ốc Văn phòng  
VG Building, 235 Nguyễn  
Trãi, Q. Thanh Xuân, TP.  
Hà Nội, Việt Nam

**Tel :** 024 3783 2121

**Fax:** 024 3783 2122

## CN. MIỀN NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hoàng  
Anh Safomec, 7/1 Thành  
Thái, P.14, Q.10, TP. Hồ  
Chí Minh, Việt Nam

**Tel :** 028 3832 9969

**Fax:** 028 3832 9959

## CN. MIỀN BẮC

Số 97 Trần Quốc Toản,  
phường Trần Hưng Đạo,  
quận Hoàn Kiếm, TP. Hà  
Nội, Việt Nam

**Tel :** 024 7306 1268

**Fax:** 024 7306 1269

## VP. ĐẠI DIỆN

Tầng 16, Tòa nhà T01-  
C37 Bắc Hà, đường Tố  
Hữu, Q.Nam Từ Liêm,  
TP. Hà Nội, Việt Nam

**Tel :** 024 6666 6368

**Fax:** 024 6666 6368



Chùa Tam Chúc